

Số: /TB-SNV

Phú Yên, ngày tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên.

Sở Nội vụ thông báo danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh gồm 37 thủ tục. Trong đó, lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động: 02 thủ tục; lĩnh vực việc làm: 11 thủ tục; lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước: 05 thủ tục; lĩnh vực lao động tiền lương: 01 thủ tục; lĩnh vực quản lý nhà nước về hội: 08 thủ tục; lĩnh vực quản lý nhà nước về quỹ xã hội, quỹ từ thiện: 07 thủ tục; lĩnh vực công tác thanh niên: 03 thủ tục (*có danh sách đính kèm*).

Thời gian triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục nêu trên kể từ ngày 14/5/2025.

Sở Nội vụ thông báo đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp biết, theo dõi thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành trong tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các doanh nghiệp, tổ chức, công dân;
- Các cơ quan truyền thông;
- GĐ và các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Lê Các

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
THUỘC THẨM GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ
(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-SNV ngày 13/5/2025 của Sở Nội vụ)

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	TTHC có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)
1	2.000134.000.00.00.H45	Khai báo với Sở Nội vụ khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	An toàn, vệ sinh lao động	không	không
2	2.002343.000.00.00.H45	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp		Không	Không
3	1.000105.000.00.00.H45	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài	Việc làm	Không	Không
4	1.000459.000.00.00.H45	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động		Không	Không
5	1.001865.000.00.00.H45	Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm		Không	Không
6	1.001853.000.00.00.H45	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Không	Không
7	1.001823.000.00.00.H45	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Không	Không
8	2.000219.000.00.00.H45	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu		Không	Không
9	1.009874.000.00.00.H45	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Không	Không
10	1.009873.000.00.00.H45	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Không	Không
11	1.011546.000.00.00.H45	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ quỹ		Không	Không

		quốc gia về việc làm đối với người lao động			
12	1.011547.000.00.00.H45	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh		Không	Không
13	1.001978.000.00.00.H45	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp		Không	Không
14	2.002028.000.00.00.H45	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết		Không	Không
15	1.005132.000.00.00.H45	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày		Không	Không
16	1.000502.000.00.00.H45	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Quản lý lao động ngoài nước	Không	Không
17	2.002105.000.00.00.H45	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Không	Không
18	1.005219.000.00.00.H45	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Không	Không
19	2.001955.000.00.00.H45	Đăng ký nội quy lao động	Lao động - Tiền lương	Không	Không
20	1.012941.H45	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội	Không	Không
21	1.012950.H45	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội		Không	Không
22	1.012951.H45	Thủ tục hội tự giải thể		Không	Không
23	1.012952.H45	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn		Không	Không
24	1.012940.H45	Thủ tục thành lập hội		Không	Không
25	1.012939.H45	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội		Không	Không
26	1.012949.H45	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội		Không	Không
27	1.012947.H45	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện		Không	Không
28	1.013030.H45	Thủ tục quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước quỹ xã	Không	Không
29	1.013025.H45	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung		Không	Không

		thành viên hội đồng quản lý quỹ	hội, quỹ từ thiện		
30	1.013028.H45	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động		Không	Không
31	1.013029.H45	Thủ tục hợp nhất , sáp nhập , chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ		Không	Không
32	1.013024.H45	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		Không	Không
33	1.013026.H45	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ		Không	Không
34	1.013027.H45	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		Không	Không
35	2.001717.000.00.00.H45	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác thanh niên	Không	Không
36	1.003999.000.00.00.H45	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh		Không	Không
37	2.001683.000.00.00.H45	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh		Không	Không